

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 (2025 – 2026)
MÔN ĐỊA LÍ - KHỐI 11**

HÌNH THỨC: 70% TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm), 30% TỰ LUẬN (3,0 điểm)

NỘI DUNG. Tên bài

Bài 2: Toàn cầu hoá, khu vực hoá kinh tế
Bài 4: Một số tổ chức quốc tế và khu vực, an ninh toàn cầu
Bài 5: Thực hành – Viết báo cáo về đặc điểm và biểu hiện của nền kinh tế tri thức
Bài 6: Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội khu vực Mỹ La-tinh
Bài 7: Kinh tế khu vực Mỹ La-tinh
Bài 8: Thực hành – Viết báo cáo về tình hình phát triển kinh tế - xã hội ở CHLB Braxin
Kỹ năng: sử dụng bảng số liệu, vẽ biểu đồ, nhận dạng biểu đồ,...

BÀI 2. TOÀN CẦU HÓA VÀ KHU VỰC HÓA KINH TẾ

I. Toàn cầu hóa kinh tế

Toàn cầu hóa là quá trình liên kết các quốc gia trên thế giới về nhiều mặt (kinh tế, văn hóa – xã hội, khoa học,...). Trong đó, toàn cầu hóa tác động mạnh mẽ đến mọi mặt của nền kinh tế - xã hội trên thế giới.

1. Biểu hiện:

- + Các dòng hàng hoá – dịch vụ vốn, lao động và tri thức ngày càng được tự do dịch chuyển.
- + Các giao dịch quốc tế về thương mại, đầu tư và tài chính tăng nhanh.
- + Hình thành và phát triển các tổ chức kinh tế toàn cầu.
- + Các công ty đa quốc gia có vai trò quan trọng.
- + Các tiêu chuẩn toàn cầu được áp dụng ngày càng rộng rãi trong quá trình sản xuất kinh doanh.

2. Hệ quả:

- + Tăng cường chuyên môn hoá và hợp tác hoá trong sản xuất, thúc đẩy phân công lao động, qua đó lực lượng sản xuất phát triển mạnh mẽ.
- + Tạo ra sự dịch chuyển các yếu tố sản xuất như lao động, vốn, công nghệ và tri thức.
- + Có sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế tại các nước theo hướng phát triển các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và dịch vụ có hàm lượng công nghệ và trí thức cao, hướng tới phát triển xanh và bền vững.
- + Gia tăng sự phân hoá trình độ phát triển kinh tế và khoảng cách giàu nghèo trong từng nước và giữa các nước.

3. Ảnh hưởng:

- + Góp phần khai thác lợi thế cạnh tranh của từng quốc gia, tăng cường chuyên môn hoá và phân công lao động trên phạm vi quốc tế, từ đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
- + Thúc đẩy các nước cải cách kinh tế, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, thể chế phát triển kinh tế, cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh,..
- + Gia tăng các nguồn lực bên ngoài (vốn, lao động, công nghệ,...) cho phát triển kinh tế - xã hội.
- + Gia tăng sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế giữa các nước gây ra các vấn đề môi trường, rác thải, đặc biệt rác thải nhựa.

1. Khu vực hoá kinh tế

Khu vực hóa kinh tế là quá trình liên kết và hợp tác kinh tế giữa các nước trong khu vực trên thế giới trên cơ sở tương đồng về địa lí, văn hóa, xã hội hoặc có cùng mục tiêu và lợi ích phát triển.

Biểu hiện	Hệ quả	Ý nghĩa
- Gia tăng số lượng và quy mô của các tổ	- Tạo lập một thị trường sản xuất và tiêu dùng rộng lớn, thúc	- Khu vực hoá kinh tế giúp các nước trong khu vực có thể dễ

<p>chức khu vực trên thế giới.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hợp tác khu vực ngày càng đa dạng và phát triển. 	<p>đẩy đầu tư và thương mại nội khối cũng như tăng cường hợp tác, nâng cao trình độ khoa học - công nghệ trong khu vực.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thúc đẩy quá trình mở cửa thị trường ở các quốc gia, tạo cơ hội việc làm, thu hút các nhà đầu tư. Các doanh nghiệp ở các nước thành viên được hưởng nhiều ưu đãi hơn nhờ các hiệp định thương mại khu vực. - Hình thành các rào cản thương mại (thuế, tiêu chuẩn chất lượng,...) đối với những nước bên ngoài khu vực. 	<p>dàng liên kết với nhau và rút ngắn khoảng cách đạt được mục tiêu phát triển kinh tế.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc liên kết với nhau để hình thành một tổ chức khu vực giúp các nước giải quyết các vấn đề chung của khu vực và nâng cao vị thế khu vực so với các khu vực khác trên thế giới. Đồng thời, làm tăng sức cạnh tranh của khu vực và khai thác được các lợi thế của các thành viên trong khu vực. - Khu vực hoá kinh tế bổ sung cho toàn cầu hoá kinh tế và từng bước làm cho nền kinh tế thế giới trở thành một thể thống nhất.
---	---	---

BÀI 4. MỘT SỐ TỔ CHỨC QUỐC TẾ VÀ KHU VỰC, AN NINH TOÀN CẦU

I. Một số tổ chức quốc tế và khu vực

1. Liên hợp quốc (The United Nations - UN)

- Liên hợp quốc là tổ chức quốc tế được thành lập vào năm 1945 với tôn chỉ hoạt động là bảo đảm một nền hòa bình và trật tự thế giới bền vững.

- Đến năm 2021, Liên hợp quốc có 193 thành viên. Việt Nam là thành viên của Liên hợp quốc từ năm 1977.

- Mục tiêu hoạt động của Liên hợp quốc là:

+ Duy trì hòa bình và an ninh quốc tế.

+ Thúc đẩy quan hệ hữu nghị giữa các quốc gia trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc bình đẳng về quyền lợi giữa các dân tộc và nguyên tắc dân tộc tự quyết.

+ Thực hiện hợp tác quốc tế thông qua giải quyết các vấn đề quốc tế trên cơ sở tôn trọng các quyền con người và quyền tự do cơ bản cho tất cả mọi người, không phân biệt chủng tộc, màu da, ngôn ngữ và tôn giáo.

+ Xây dựng Liên hợp quốc là trung tâm điều hoà các nỗ lực quốc tế vì các mục tiêu chung.

2. Tổ chức Thương mại Thế giới (The World Trade Organization - WTO)

- WTO được thành lập và hoạt động từ năm 1995 với tôn chỉ hoạt động là thiết lập và duy trì một nền thương mại toàn cầu tự do, thuận lợi và minh bạch.

- Đến năm 2021, WTO có 164 thành viên. Việt Nam là thành viên thứ 150 của tổ chức này từ năm 2007.

- Mục tiêu hoạt động của WTO là:

+ Thúc đẩy tăng trưởng thương mại hàng hóa và dịch vụ trên thế giới phục vụ cho sự phát triển, ổn định, bền vững và bảo vệ môi trường.

+ Thúc đẩy sự phát triển các thể chế thị trường, giải quyết các bất đồng và tranh chấp thương mại giữa các nước thành viên trong khuôn khổ của hệ thống thương mại đa phương, phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của Công pháp quốc tế.

+ Nâng cao mức sống, tạo công ăn, việc làm cho người dân các nước thành viên, bảo đảm các quyền và tiêu chuẩn lao động tối thiểu.

3. Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF)

- IMF được thành lập năm 1944 với tôn chỉ hoạt động là thúc đẩy hợp tác tiền tệ toàn cầu, bảo đảm sự ổn định tài chính, tạo thuận lợi cho thương mại quốc tế, thúc đẩy việc làm, tăng trưởng kinh tế bền vững và giảm nghèo trên toàn thế giới.

- Đến năm 2021, IMF có 190 thành viên. Việt Nam là thành viên của tổ chức này từ năm 1976.

- Mục tiêu hoạt động của IMF là:

+ Thúc đẩy hợp tác tiền tệ quốc tế, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và hỗ trợ tài chính tạm thời cho các nước thành viên khi các nước này gặp khó khăn.

+ Bảo đảm sự ổn định của hệ thống tiền tệ quốc tế - hệ thống tỉ giá và hệ thống thanh toán toàn cầu để các quốc gia và mọi người dân giao dịch được với nhau và với công dân của nước khác.

4. Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC)

- APEC được thành lập năm 1989 với tôn chỉ là thúc đẩy tự do thương mại, đầu tư và mở cửa trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

- APEC gồm có 21 nền kinh tế thành viên. Việt Nam là thành viên của tổ chức này từ năm 1998.

- Mục tiêu hoạt động của APEC là:

+ Giữ vững sự tăng trưởng và phát triển trong khu vực.

+ Tăng cường hệ thống đa phương mở vì lợi ích của châu Á - Thái Bình Dương và các nền kinh tế khác.

4. Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC)

- APEC được thành lập năm 1989 với tôn chỉ là thúc đẩy tự do thương mại, đầu tư và mở cửa trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

- APEC gồm có 21 nền kinh tế thành viên. Việt Nam là thành viên của tổ chức này từ năm 1998.

- Mục tiêu hoạt động của APEC là:

+ Giữ vững sự tăng trưởng và phát triển trong khu vực.

+ Tăng cường hệ thống đa phương mở vì lợi ích của châu Á - Thái Bình Dương và các nền kinh tế khác.

+ Phát huy những tác động tích cực của sự phụ thuộc kinh tế lẫn nhau ngày càng tăng của kinh tế khu vực và thế giới, bằng cách đẩy mạnh sự giao lưu hàng hóa - dịch vụ vốn và công nghệ.

2. An ninh toàn cầu và bảo vệ hòa bình trên thế giới

a. An ninh toàn cầu

- Là trạng thái bình yên, ổn định và hòa bình của toàn thế giới.

*Phân loại: An ninh toàn cầu chia thành 2 loại,:

+ An ninh truyền thống: vấn đề liên quan đến an ninh chính trị, quân sự (khủng bố, xung đột vũ trang, chiến tranh,...).

+ An ninh phi truyền thống: vấn đề liên quan đến an ninh kinh tế, lương thực, năng lượng, nguồn nước,...

An ninh toàn cầu	Khái niệm	Nguyên nhân	Giải pháp
An ninh lương thực	An ninh lương thực là việc đảm bảo mọi người có quyền tiếp cận các nguồn lương thực một cách đầy đủ, an toàn để duy trì cuộc sống khỏe mạnh.	Xung đột vũ trang, chiến tranh, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, làm gián đoạn nguồn sản xuất và cung ứng lương thực, thực phẩm.	- Cung cấp lương thực và cứu trợ nhân đạo cho các khu vực mất an ninh lương thực nghiêm trọng. - Đẩy mạnh sản xuất lương thực bằng nhiều cách. - Nâng cao vai trò của các tổ chức quốc tế để giải quyết vấn đề an ninh lương thực toàn cầu.
An ninh năng lượng	An ninh năng lượng là sự đảm bảo đầy đủ năng lượng, dưới nhiều hình thức khác nhau để phục vụ cho nhu cầu của con người và cho các hoạt động kinh tế - xã hội.	Những thay đổi lượng là sự đảm bảo trong thị trường dầu mỏ và các năng lượng khác, cùng sự xuất hiện nhiều nguy cơ như: xung đột vũ trang, biến đổi khí hậu,... đã khiến an ninh năng lượng không được bảo đảm.	- Đẩy mạnh tiết kiệm năng lượng và phát triển năng lượng tái tạo. - Khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên và tìm kiếm các nguồn năng lượng mới. - Tăng cường vai trò của các tổ chức quốc tế trong việc đàm phán, hợp tác, phân phối năng lượng.

			- Các quốc gia phối hợp với nhau để giải quyết các vấn đề năng lượng.
An ninh nguồn nước	An ninh nguồn nước là việc đảm số lượng, chất lượng nước phục vụ dân sinh trong mọi tình huống; đáp ứng nhu cầu sử dụng nước cho các hoạt động kinh tế; đảm bảo mọi người dân, mọi đối tượng được tiếp cận, sử dụng nước công bằng, hợp lí.	Việc sử dụng nước còn kém hiệu quả, lãng phí, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu,...	<ul style="list-style-type: none"> - Các quốc gia cần thường xuyên phối hợp, nghiên cứu, thảo luận các giải pháp đảm bảo an ninh nguồn nước - Mỗi nước cũng cần chủ động bảo vệ nguồn nước, tránh tình trạng ô nhiễm nước, phát triển hệ thống thủy lợi và nâng cao công nghệ xử lí nước thải,... - Các nước có chung nguồn tài nguyên nước cần chia sẻ, hợp tác và phối hợp kiểm soát nguồn nước.
An ninh mạng	An ninh mạng là sự đảm bảo hoạt động trên không gian mạng không gây hại đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.	Các hiện tượng mất an ninh mạng như phát tán các thông tin sai, vi-rút, lộ dữ liệu cá nhân,... diễn biến nhanh, ngày càng phức tạp và có tác động đến mọi mặt đời sống, kinh tế, chính trị, an ninh, quốc phòng của mỗi quốc gia và trên toàn thế giới.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhiều quốc gia, tổ chức, liên minh quốc tế ban hành chiến lược an ninh mạng, các đạo luật về an ninh mạng. - Thành lập các lực lượng chuyên trách về an ninh mạng, chiến tranh mạng, phòng chống khủng bố mạng,... - Các quốc gia, các cơ quan, tổ chức quốc tế, các hãng công nghệ cần hợp tác chặt chẽ trong phòng, chống tấn công mạng và tội phạm mạng; cùng chung tay xây dựng không gian mạng an toàn, lành mạnh.

b. Bảo vệ hoà bình

- Phải bảo vệ hoà bình vì:

+ Hoà bình là khát vọng của mỗi quốc gia và toàn nhân loại.

+ Bảo vệ hoà bình giúp các nước chung tay giải quyết các vấn đề an ninh toàn cầu.

+ Bảo vệ hoà bình cũng là bảo vệ cho đất nước ngày càng thịnh vượng.

- Biện pháp bảo vệ hoà bình: mỗi quốc gia có trách nhiệm duy trì và bảo vệ hoà bình tại quốc gia, khu vực và trên toàn cầu; tăng cường đối thoại và hợp tác để giải quyết mâu thuẫn và xung đột giữa các nước; tăng cường vai trò của các tổ chức quốc tế trong việc thúc đẩy và gìn giữ hoà bình trên thế giới.

BÀI 5. BÁO CÁO VỀ ĐẶC ĐIỂM VÀ BIỂU HIỆN CỦA NỀN KINH TẾ TRI THỨC

1. Khái niệm

- Có nhiều định nghĩa về tri thức, theo Becerra tri thức là “sự giải mã về một mối quan hệ giữa các khái niệm có liên quan đến những lĩnh vực cụ thể, tri thức là tài sản vô giá và là nền tảng lợi thế cạnh tranh của một tổ chức.

- Theo định nghĩa của World Bank, kinh tế tri thức là: “nền kinh tế dựa vào tri thức như động lực chính cho sự tăng trưởng kinh tế”.

2. Một số đặc điểm của kinh tế tri thức

- Tri thức là nhân tố sản xuất quan trọng nhất, đóng góp chính vào sự phát triển của xã hội.

- Lao động tri thức chiếm tỉ trọng cao trong sản xuất.

- Dịch vụ với các ngành cần nhiều tri thức là chủ yếu trong cơ cấu kinh tế.

- Công nghệ thông tin và truyền thông có tính chất quyết định.

- Công nghệ cao, các thành tựu của cách mạng công nghiệp 4.0 là động lực chủ yếu để phát triển kinh tế - xã hội

- Giáo dục đóng vai trò quan trọng.

- Quyền sở hữu trí tuệ ngày càng trở nên quan trọng.

- Là một nền kinh tế hướng đến sự phát triển bền vững, thân thiện với môi trường.

3. Biểu hiện của kinh tế tri thức

- Một số biểu hiện của kinh tế tri thức:

- + Hoạt động sản xuất kinh doanh nhờ áp dụng nguyên liệu và năng lượng tự nhiên nên tạo ra những sản phẩm sạch và không gây ô nhiễm môi trường. Từ đó tạo tiền đề phát triển bền vững.
- + Sản xuất sản phẩm theo nhu cầu tiêu dùng, luôn luôn có sự cân bằng giữa cung và cầu, hạn chế hàng tồn kho.
- + Cái mới luôn được sáng tạo liên tục chứ không phải từ cái cũ phát triển lên.
- + Quá trình nghiên cứu, sáng tạo của con người luôn không ngừng được thực đẩy, phát triển ra kỹ thuật công nghệ hiện đại.
- + Có sự ứng dụng công nghệ thực tế - ảo trong các hoạt động như học tập, thiết kế, xây dựng, kiến trúc, thực nghiệm khoa học,... giúp tiết kiệm được thời gian, công sức và tiền bạc, đồng thời nâng cao năng suất lao động.

- Một số ví dụ về các sản phẩm ứng dụng của nền kinh tế tri thức:

- + Các nguồn năng lượng tái tạo, như: năng lượng Mặt Trời, năng lượng gió, năng lượng thủy triều,...
- + Các loại rô-bốt thông minh, như: rô-bốt phẫu thuật (trong lĩnh vực y tế); rô-bốt thu hoạch nông sản (trong lĩnh vực kinh tế); rô-bốt chăm sóc trẻ em,...
- + Có sự ứng dụng công nghệ thực tế - ảo trong các hoạt động như học tập, thiết kế, xây dựng, kiến trúc, thực nghiệm khoa học,... giúp tiết kiệm được thời gian, công sức và tiền bạc, đồng thời nâng cao năng suất lao động.

- Một số ví dụ về các sản phẩm ứng dụng của nền kinh tế tri thức:

- + Các nguồn năng lượng tái tạo, như: năng lượng Mặt Trời, năng lượng gió, năng lượng thủy triều,...
- + Các loại rô-bốt thông minh, như: rô-bốt phẫu thuật (trong lĩnh vực y tế); rô-bốt thu hoạch nông sản (trong lĩnh vực kinh tế); rô-bốt chăm sóc trẻ em,...

BÀI 6: VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI KHU VỰC MỸ LA TINH

Diện tích: khoảng 20 triệu km²

Dân số: 652,0 triệu người (2020)

I. Vị trí địa lí

- Mỹ La tinh gồm Mê-hi-cô, eo đất Trung Mỹ, các đảo và quần đảo trong vùng biển Ca-ri-bê và toàn bộ lục địa Nam Mỹ, có diện tích khoảng 20 triệu km².

- Vị trí địa lí:

+ Trải dài từ khoảng vĩ độ 33°B đến gần vĩ độ 54°N, tiếp giáp với ba đại dương phía đông là Đại Tây Dương, phía tây là Thái Bình Dương và phía nam là Nam Đại Dương.

+ Mỹ La tinh nằm hoàn toàn ở bán cầu Tây, tách biệt với các châu lục khác.

+ Phía bắc giáp khu vực Bắc Mỹ (gồm Hoa Kỳ và Ca-na-đa).

- Ảnh hưởng: thuận lợi phát triển kinh tế biển, hợp tác trong khu vực và với các khu vực khác trên thế giới; kênh đào Pa-na-ma có vai trò đặc biệt quan trọng đối với phát triển kinh tế và giao thương; khu vực Bắc Mỹ là thị trường tiêu thụ rộng lớn và nơi cung cấp nguồn đầu tư quan trọng cho các nước Mỹ La tinh.

II. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

Yếu tố	Đặc điểm	Ảnh hưởng
Địa hình - đất	<p>Có nhiều dạng địa hình:</p> <ul style="list-style-type: none">- Phía tây là miền núi cao sơn nguyên Mê-hi-cô và vùng núi trẻ Trung Mỹ, hệ thống núi An-đét cao và đồ sộ.- Phía đông là miền núi thấp, sơn nguyên và đồng bằng, bao gồm:<ul style="list-style-type: none">+ Sơn nguyên Guy-a-na và sơn nguyên Bra-xin, bề mặt nhiều nơi phủ đất feralit hình thành từ dung nham núi lửa;+ Phần trung tâm sơn nguyên Guy-a-na và phần đông sơn nguyên Bra-xin được nâng lên thành một số dãy núi.+ Các đồng bằng La nốt, La Pla-ta là những vùng đất thấp, bề mặt được bồi đắp phù sa dày, khá bằng phẳng	<ul style="list-style-type: none">- Khó khăn cho hoạt động sản xuất, cư trú và giao thông; đồng thời các dãy núi cao ngăn ảnh hưởng của biển vào sâu trong nội địa; vùng núi cũng là nơi có nhiều thiên tai (động đất, núi lửa,..)- Thuận lợi trồng cây công nghiệp, cây lương thực và chăn nuôi gia súc.- Thuận lợi trồng cây công nghiệp, cây ăn quả nhiệt đới và phát triển du lịch.

	<p>đồng bằng A-ma-dôn có phần lớn.</p> <p>- Vùng biển Caribe có nhiều đảo, đất màu mỡ.</p>	
Khí hậu	<p>- Khí hậu của phần lớn lãnh thổ Mỹ La tinh có tính chất nóng, ẩm.</p> <p>+ Do phạm vi lãnh thổ trải dài trên nhiều vĩ độ và đặc điểm của địa hình nên khí hậu Mỹ La tinh có sự phân hoá đa dạng thành nhiều đới và kiểu khí hậu khác nhau: khí hậu xích đạo, khí hậu cận xích đạo, khí hậu nhiệt đới, khí hậu cận nhiệt và khí hậu ôn đới.</p> <p>+ Các vùng núi cao ở phía tây lục địa Nam Mỹ có kiểu khí hậu núi cao.</p>	<p>- Nhìn chung, khí hậu Mỹ La tinh thuận lợi để phát triển nông nghiệp, nhất là nông nghiệp nhiệt đới với các loại cây ăn quả chuối, dứa, xoài,...), cây công nghiệp (cao su, cà phê, mía,...).</p> <p>- Khí hậu Mỹ La tinh cũng gây một số khó khăn cho đời sống và sản xuất: một số khu vực có khí hậu khắc nghiệt; vùng biển Ca-ri-bê và dải đất Trung Mỹ hằng năm chịu ảnh hưởng của bão nhiệt đới, lũ và ngập lụt</p>
Sông, hồ	<p>- Mạng lưới sông ở Mỹ La tinh khá phát triển, có nhiều sông lớn và dài, phần lớn các sông nhiều nước quanh năm như A-ma-dôn, Ô-ri-nô-cô,...</p> <p>- Các hồ ở Mỹ La tinh đa số là hồ nhỏ, nằm trên các độ cao lớn, có nguồn gốc kiến tạo, núi lửa, băng hà</p>	<p>- Sông ngòi có giá trị về nhiều mặt: là đường giao thông quan trọng, nguồn nước tưới tiêu, tiềm năng thủy điện lớn và là các địa điểm du lịch hấp dẫn</p> <p>- Một số hồ có ý nghĩa về du lịch(hồ Titi ca ca, Ni-ca-ra-go,....).</p>
Khoáng sản	<p>- Giàu tài nguyên khoáng sản, tập trung chủ yếu ở vùng núi An-đét và phía đông nam sơn nguyên Bra-xin.</p> <p>- Khoáng sản phong phú về chủng loại; có trữ lượng lớn là sắt (Bra-xin,...); chì – kẽm, bạc (Bô-li-vi-a, Pê-ru, Ác-hen-ti-na); đồng (Chi-lê); dầu mỏ, khí tự nhiên (Vê-nê-xu-ê-la, Cô-lôm-bi-a, vùng biển Ca-ri-bê...).</p> <p>- Ngoài ra còn có thiếc, man-gan, niken,...</p>	<p>- Cơ sở để phát triển nhiều ngành công nghiệp và xuất khẩu.</p> <p>- Tuy nhiên, nhiều loại khoáng sản có nguy cơ cạn kiệt do bị khai thác quá mức</p>
	<p>- Thảm thực vật rất đa dạng, bao</p>	<p>- Rừng ở Mỹ La tinh là nguồn</p>

Sinh vật	<p>gồm: rừng nhiệt đới (rừng mưa nhiệt đới, rừng nhiệt đới gió mùa,...), rừng cận nhiệt đới, xa van và rừng thưa, hoang mạc và bán hoang mạc....</p> <p>- Giới động vật rất phong phú, có nhiều loài đặc hữu như thú ăn kiến, cá sấu Nam Mỹ, vẹt, lạc đà Nam Mỹ (La-ma),...</p>	<p>cung cấp gỗ quan trọng cho nền kinh tế và có ý nghĩa đặc biệt về đa dạng sinh học, điều hoà khí hậu,...</p> <p>- Tuy nhiên, diện tích rừng tự nhiên đang có xu hướng giảm do bị khai phá để lấy gỗ, lấy đất canh tác và làm đường giao thông</p>
Biển	<p>- Mỹ La tinh giáp ba đại dương, có vùng biển rộng.</p> <p>- Tài nguyên sinh vật biển phong phú.</p> <p>- Dọc bờ biển có nhiều địa điểm thuận lợi để xây dựng cảng biển.</p> <p>- Nhiều nơi, nhất là khu vực Ca-ri-bê có các bãi biển đẹp.</p>	<p>- Là điều kiện thuận lợi để phát triển các ngành kinh tế biển.</p>

III. Dân cư và xã hội

1. Dân cư

- Quy mô và gia tăng dân số:

+ Mỹ La tinh có số dân 652 triệu người (năm 2020).

+ Trước đây khu vực Mỹ La tinh có tỉ lệ tăng dân số thuộc loại cao, hiện nay đã giảm nhiều, tỉ lệ tăng dân số của khu vực năm 2020 là 0,94%.

=> Dân cư là thị trường tiêu thụ sản phẩm, đồng thời cung cấp nguồn lao động cho các hoạt động sản xuất.

- Dân tộc:

+ Mỹ La tinh là một trong những khu vực có sự đa dạng về chủng tộc bậc nhất trên thế giới.

+ Có nền văn hoá đa dạng, đặc sắc là đặc điểm thu hút khách du lịch.

- Cơ cấu dân số:

+ Mỹ Latinh đang trong thời kì dân số vàng và có sự thay đổi theo hướng già hoá dân số, số người trong độ tuổi từ 15 đến 64 tuổi chiếm 67,2% và số người từ 65 tuổi trở lên chiếm 8,9% tổng số dân (năm 2020)

+ Dân số đông => nguồn lao động dồi dào.

- Phân bố dân cư:

+ Mật độ dân số trung bình khoảng 33 người/km² (năm 2020), thuộc loại thấp so với nhiều khu vực khác trên thế giới .

- + Dân cư tập trung đông ở các đảo lớn trong vùng biển Ca-ri-bê, các vùng ven biển, các đồng bằng màu mỡ, một số cao nguyên,...
- + Các khu vực núi kinh tế. cao, rừng mưa nhiệt đới, vùng khô hạn,... dân cư rất thưa thớt.
- + Nơi tập trung đông dân có kinh tế phát triển, nhiều vùng rộng lớn không có dân cư sinh sống, khó khăn trong khai thác tài nguyên thiên nhiên và phát triển kinh tế.

2. Đô thị hoá

- Đặc điểm đô thị hoá:

- + Quá trình đô thị hoá gắn liền với quá trình nhập cư và lịch sử khai thác lãnh thổ.
- + Tỷ lệ dân đô thị cao so với các khu vực khác của thế giới, nhất là với các nước đang phát triển, năm 2020 lên tới khoảng 80%. Một số nước có tỷ lệ dân đô thị chiếm hơn 90% dân số như U-ru-goay, Ác-hen-ti-na,...
- + Mỹ La tinh là khu vực tập trung nhiều đô thị đông dân bậc nhất thế giới. Năm 2020, Mỹ La tinh có khoảng 60 đô thị với số dân trên 1 triệu người, trong đó 6 siêu đô thị có trên 10 triệu dân là Mê-hi-cô Xi-ti, Bô-gô-ta, Li-ma, Bu-ê-nốt Ai-rét, Xao Pao-lô, Ri-ô đê Gia-nê-rô.

- Ảnh hưởng của đô thị hoá:

- + Đô thị hoá thúc đẩy sự phát triển công nghiệp, dịch vụ, lan toả lối sống đô thị trong dân cư,...
- + Nảy sinh một số vấn đề kinh tế – xã hội. Đô thị hoá tự phát gây ra các hậu quả như thất nghiệp, ô nhiễm môi trường, tệ nạn xã hội, vấn đề an ninh trật tự,...

3.Xã hội

- Khu vực Mỹ La tinh có nền văn hoá độc đáo, thường gọi là “văn hoá Mỹ La tinh với nhiều lễ hội, ẩm thực, âm nhạc, vũ điệu độc đáo được hình thành từ sự kết hợp văn hoá của những nền văn minh cổ đại (In-ca, May-a, A-đơ-tếch) với văn hoá của các chủng tộc di dân tới Mỹ La tinh.

=>Văn hoá đa dạng, đặc sắc là điểm nhấn thu hút khách du lịch quốc tế.

- Cùng với sự phát triển kinh tế, chất lượng cuộc sống của người dân các nước Mỹ La tinh đã chuyển biến theo chiều hướng tích cực.
- Bên cạnh sự tiến bộ xã hội, ở nhiều nước Mỹ La tinh vẫn còn một số vấn đề tồn tại: chênh lệch giàu nghèo (tỷ lệ người nghèo cao, mức độ chênh lệch giữa nhóm - giàu và nhóm nghèo lớn), xung đột xã hội xuất hiện ở một số quốc gia,...

BÀI 7: KINH TẾ KHU VỰC MỸ LATINH

I. Tình hình phát triển kinh tế

1. Tình hình phát triển kinh tế

- Quy mô GDP: tăng liên tục nhưng còn nhỏ so với thế giới, có sự khác biệt rất lớn giữa các quốc gia.

+ Khu vực Mỹ La tinh đóng góp khoảng 6% vào GDP thế giới (năm 2020).

+ Quy mô GDP của các nước trong khu vực có sự chênh lệch lớn, các nước có quy mô GDP lớn nhất khu vực năm 2020 là Bra-xin (1448,6 tỉ USD), Mê-hi-cô (1090,5 tỉ USD).

- Tăng trưởng kinh tế: Tốc độ tăng GDP của khu vực Mỹ Latinh nhìn chung còn chậm và không ổn định.

- Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch theo hướng tăng tỉ trọng ngành dịch vụ.

2. Nguyên nhân

- Quy mô GDP của khu vực nhìn chung còn thấp là do các nước trong khu vực đều là các nước đang phát triển, phụ thuộc nhiều vào nước ngoài về vốn, công nghệ, thị trường,...

- Sự chênh lệch về quy mô GDP giữa các quốc gia là do nguồn lực phát triển kinh tế các quốc gia trong khu vực khác nhau.

- Tốc độ tăng GDP của Mỹ La tinh còn chậm và không ổn định do nền kinh tế của phần lớn các nước trong khu vực phụ thuộc nhiều vào nước ngoài, cùng với các bất ổn về chính trị, xã hội và ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh,...

- Hiện nay, một số nước đã tiến hành cải cách kinh tế, tích cực hội nhập, tự do hoá, thương mại,... nên nền kinh tế từng bước được cải thiện và đạt nhiều thành tựu.

II. Một số ngành kinh tế

Ngành	Sự phát triển	Sự phân bố
Nông nghiệp	<p>- Cơ cấu cây trồng của Mỹ La tinh rất đa dạng gồm cả cây lương thực, cây công nghiệp và cây ăn quả.</p> <p>+ Các cây lương thực chính là ngô, lúa mì.</p> <p>+ Cây công nghiệp là thế mạnh trong nông nghiệp Mỹ La tinh. Các cây công nghiệp chính là cà phê, ca cao, đậu tương, mía, thuốc lá, bông, cao su,...</p> <p>- Các vật nuôi chủ yếu ở Mỹ La tinh là bò, gia cầm.</p>	<p>Các nước sản xuất lương thực hàng đầu là Pa-ra-goay, Mê-hi-cô, Bra-xin, Ác-hen-ti-na, chính là ngô, lúa mì.</p> <p>- Các nước có ngành chăn nuôi phát triển nhất là Bra-xin, Mê-hi-cô, Ác-hen-ti-na, Cô-lôm-bi-a</p>

	<ul style="list-style-type: none"> - Hiện nay, nông nghiệp Mỹ La tinh đang phát triển theo hướng chuyên môn hoá, hiện đại hoá, đẩy mạnh ứng dụng khoa học – công nghệ. 	
Công nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Công nghiệp đóng góp quan trọng vào GDP của khu vực Mỹ La tinh. + Công nghiệp khai khoáng rất phát triển dựa trên nguồn tài nguyên khoáng sản dạng phong phú. Mỹ La tinh là nơi sản xuất 45% lượng đồng 50% lượng bạc, 21% lượng kẽm của thế giới. Mỹ La tinh cũng là khu vực khai thác nhiều dầu mỏ và khí tự nhiên của thế giới. + Các ngành công nghiệp sản xuất ô tô, máy bay được chú trọng phát triển, nhiều sản phẩm đạt trình độ công nghệ cao 	<ul style="list-style-type: none"> - Ngành công nghiệp khai khoáng phát triển nhất ở Bra-xin, Vê-nê-xu-ê-la, Chi-lê, Mê-hi-cô... - Các nước phát triển mạnh nhất là Ac-hen-ti-na, Bra-xin, Chi-lê, Mê-hi-cô,..
Dịch vụ	<ul style="list-style-type: none"> - Ngành dịch vụ đóng góp nhiều nhất vào GDP của khu vực và tỉ trọng có xu hướng tăng. - Lĩnh vực dịch vụ quan trọng của Mỹ La tinh là ngoại thương. + Các sản phẩm xuất khẩu chủ yếu là quặng khoáng sản, dầu thô, các sản phẩm nông nghiệp nhiệt đới, thịt, sữa,... + Năm 2020, trị giá xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ đạt 1 189,1 tỉ USD, trị giá nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ đạt 1 146,5 tỉ USD. + Các đối tác thương mại chính của Mỹ La tinh là Hoa Kỳ, EU, Trung Quốc. Du lịch cũng là ngành kinh tế quan trọng của khu vực. 	<ul style="list-style-type: none"> Bra-xin, Mê-hi-cô, Ác-hen-ti-na,...

BÀI 8. THỰC HÀNH VIẾT BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN

KINH TẾ-XÃ HỘI Ở CỘNG HÒA LIÊN BANG BRA-XIN

- Cộng hòa Liên bang Bra-xin nằm ở khu vực Nam Mỹ tiếp giáp với 11 quốc gia và vùng lãnh thổ.

- Quốc gia này có diện tích khoảng 8515.767 km², với dân số khoảng 211.8 triệu người (chiếm 32.48% dân số khu vực Mỹ La-tinh, năm 2020).

1. Tình hình phát triển kinh tế

◆ Đặc điểm phát triển nền kinh tế

- Quy mô và tốc độ tăng trưởng kinh tế:

+ Cộng hòa Liên bang Bra-xin là một trong những nền kinh tế lớn nhất khu vực Mỹ Latinh. Theo số liệu công bố của Tổ chức Ngân hàng thế giới (WB), năm 2021, quy mô của nền kinh tế Bra-xin đạt mức 1609 tỉ USD (chiếm khoảng 29.3% quy mô GDP của khu vực Mỹ Latinh).

+ Trong những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Bra-xin không ổn định: năm 2010, tốc độ tăng GDP của Bra-xin đạt mức 7.53%, tuy nhiên, tới năm 2015, tăng trưởng GDP sụt giảm, chỉ còn -3.5%. Với nhiều nỗ lực của chính phủ Bra-xin, tới năm 2021, tốc độ tăng trưởng GDP của quốc gia này đã tăng trở lại.

- **Cơ cấu và chuyển dịch kinh tế:** Trong giai đoạn từ năm 2000 - 2021, Cơ cấu GDP của Cộng hòa Liên bang Bra-xin có sự chuyển dịch rõ rệt, theo hướng:

+ Tăng tỉ trọng ngành dịch vụ (từ 58.3% năm 2000, lên 59.4% năm 2021).

+ Giảm tỉ trọng ngành công nghiệp - xây dựng (từ 13% năm 2000, xuống còn 18.9% năm 2021).

+ Ngành nông - lâm - ngư nghiệp chiếm tỉ trọng nhỏ trong cơ cấu kinh tế của Bra-xin (năm 2021, nhóm ngành này chỉ chiếm 6.9% GDP).

- Một số sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp nổi tiếng:

Về nông nghiệp:

+ Bra-xin là một trong những quốc gia có sản lượng mía, đậu tương, cà phê, cam,... lớn nhất thế giới;

+ Bra-xin là một trong 5 quốc gia có sản lượng: ngô, đu đủ, thuốc lá, dứa, chuối, bông,... hàng đầu thế giới.

* Về công nghiệp:

+ Lĩnh vực công nghiệp khai khoáng, Bra-xin nổi bật trong việc khai thác quặng sắt, đồng, vàng, bôxít, mangan,...

Nguyên nhân phát triển

- Vị trí địa lý thuận lợi cho giao lưu, phát triển kinh tế - văn hóa với các quốc gia và khu vực trên thế giới.

- Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng.

- Nhà nước ban hành các chính sách phát triển kinh tế phù hợp.

2 - Những vấn đề cần giải quyết

- Thu nhập của người dân Bra-xin có sự chênh lệch rất lớn: 10% những người giàu nhất chiếm hơn 40% GDP, trong khi 10% những người nghèo nhất chỉ chiếm khoảng 1% GDP.

- Các vùng trong nước có sự phân hóa lớn. Vùng Đông Nam tập trung trên 40% số dân và chiếm trên 60% GDP, trong khi các vùng Trung Tây và Bắc chỉ có khoảng 10% số dân và chiếm khoảng 10% GDP.

- Mất an ninh, trật tự xã hội là một vấn đề cần phải giải quyết ở Bra-xin.

- Tỷ lệ dân thành thị rất cao (87% năm 2020). Đô thị hóa tự phát, không gắn với công nghiệp hoá đã làm trầm trọng thêm các vấn đề xã hội và môi trường đô thị: tỷ lệ thất nghiệp cao, bên cạnh các tòa nhà cao tầng hiện đại là các khu nhà "ổ chuột" của dân nghèo,...